

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1209/UBND-TNMT
Về việc công khai kế hoạch sử
dụng đất năm 2023

Sơn Dương, ngày 02 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Trung tâm Văn hoá, Truyền thông và Thể thao huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 27/5/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang,

Ủy ban nhân dân huyện giao trách nhiệm:

1. Trung tâm Văn hoá, Truyền thông và Thể thao huyện chủ trì, phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thông báo, đăng tin công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Dương.

2. UBND các xã, thị trấn: Thực hiện niêm yết, công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại trụ sở UBND xã, thị trấn trong suốt thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Dương.

3. Hồ sơ công bố, công khai tại trụ sở UBND xã, thị trấn gồm:

- Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 27/5/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn xã, thị trấn theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện.

- Tổ chức họp nhân dân để công bố, công khai hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện và thông báo danh mục công trình, dự án triển khai thực hiện trong năm 2023 trên địa bàn xã, thị trấn theo kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện./. *ba*

Nơi nhận: *ba*

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh, Phó VPTH UBND huyện;
- Như trên (T/hiện);
- CV: THKT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Trường

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 CỦA HUYỆN SƠN DƯƠNG

(Kèm theo Văn bản số 1209 /TUBND-TNMT ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương)

Số TT	Tên dự án, công trình	Tổng số công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng Thêm		Địa điểm thực hiện dự án, công trình
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất	
	TỔNG CỘNG	63	153,49	-	153,49		
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH						
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI	63	153,49	-	153,49		
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC DUYỆT	34	81,97	-	81,97		
I.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÀO MỤC ĐÍCH AN NINH, QUỐC PHÒNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 61 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013	24	3,65	-	3,65		
1	Trụ sở công an xã Minh Thanh	1	0,20		0,20	DCH	Xã Minh Thanh
2	Trụ sở công an xã Tân Trào	1	0,12		0,12	TSC	Xã Tân Trào
3	Trụ sở công an xã Đại Phú	1	0,15		0,15	TSC	Xã Đại Phú
4	Trụ sở công an thị trấn Sơn Dương	1	0,21		0,21	TSC	TT Sơn Dương
5	Trụ sở công an xã Thiện Kế	1	0,12		0,12	BHK	Xã Thiện Kế
6	Trụ sở công an xã Hợp Thành	1	0,10		0,10	SKC	Xã Hợp Thành
7	Trụ sở công an xã Kháng Nhật	1	0,10		0,10	TSC	Xã Kháng Nhật
8	Trụ sở công an xã Cấp Tiến	1	0,10		0,10	TSC	Xã Cấp Tiến
9	Trụ sở công an xã Tam Đa	1	0,18		0,18	DGD	Xã Tam Đa

10	Trụ sở công an xã Lương Thiện	1	0,27		0,27	TSC	Xã Lương Thiện
11	Trụ sở công an xã Tú Thịnh	1	0,40		0,40	DGD	Xã Tú Thịnh
12	Trụ sở công an xã Đông Lợi	1	0,20		0,20	RSX	Xã Đông Lợi
13	Trụ sở công an xã Văn Phú	1	0,10		0,10	TSC	Xã Văn Phú
14	Trụ sở công an xã Đông Thọ	1	0,10		0,10	TSC	Xã Đông Thọ
15	Trụ sở công an xã Quyết Thắng	1	0,20		0,20	CLN	Xã Quyết Thắng
16	Trụ sở công an xã Chi Thiết	1	0,12		0,12	TSC	Xã Chi Thiết
17	Trụ sở công an xã Bình Yên	1	0,11		0,11	HNK	Xã Bình Yên
18	Trụ sở công an xã Hào Phú	1	0,13		0,13	TSC	Xã Hào Phú
19	Trụ sở công an xã Đồng Quý	1	0,10		0,10	TSC	Xã Đồng Quý
20	Trụ sở công an xã Phú Lương	1	0,10		0,10	DGD	Xã Phú Lương
21	Trụ sở công an xã Tân Thanh	1	0,11		0,11	DSH	Xã Tân Thanh
22	Trụ sở công an xã Phúc Ứng, thôn Liên Thành	1	0,15		0,15	LUC	Xã Phúc Ứng
23	Trụ sở công an xã Trung Yên	1	0,15		0,15	LUC	Xã Trung Yên
24	Trụ sở công an xã Trường Sinh	1	0,13		0,13	LUC	Xã Trường Sinh
I.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG (THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013)	10	78,32	-	78,32		
1	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương.	1	0,52	-	0,52		
1.1	XD nhà lớp học 02 tầng 08 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp trường Mầm non Kháng Nhật, huyện Sơn Dương	1	0,52		0,52	ONT(0,04); CLN(0,48)	Xã Kháng Nhật

2	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải	0					
3	Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, ...	3	1,30	-	1,30		
3.1	Xây dựng mới chợ xã Phúc Ứng	1	0,70		0,70	LUC	Xã Phúc Ứng
3.2	Xây dựng mới chợ xã Chi Thiết	1	0,40		0,40	LUC	Xã Chi Thiết
3.3	Xây dựng Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Đá Cà, xã Phúc Ứng	1	0,20		0,20	LUC	Xã Phúc Ứng
4	Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	6	76,50	-	76,50		
4.1	Xây dựng khu nhà ở Sơn Đông, thị trấn Sơn Dương	1	7,50		7,50	HNK(4,77); CLN(0,14); SKC(0,25); DGT(0,44); DTL(0,25); DVH(0,39); ODT(0,34); TCS(0,39); SON(0,03); BCS(0,5)	TT Sơn Dương
4.2	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư tổ dân phố Tân Phúc, TT Sơn Dương	1	3,00		3,00	LUC (2,00); CLN (1,00)	TT Sơn Dương

4.3	Xây dựng Khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam (Giai đoạn 2)	1	3,90		3,90	LUC (3,20); HNK (0,23); CLN (0,03); DGT (0,30); DTL (0,06)	Xã Sơn Nam
4.4	Xây dựng khu dân cư nhà ở xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	1	9,20		9,20	LUC (9,00); HNK (0,20)	Xã Sơn Nam
4.5	Xây dựng khu nhà ở và dịch vụ thương mại tại xã Ninh Lai, huyện Sơn Dương (theo quy hoạch là danh mục Xây dựng khu đô thị mới xã Ninh Lai)	1	9,90		9,90	LUC (9,50); HNK (0,04)	Xã Ninh Lai
4.6	Dự án khu đô thị Kỳ Lâm, Làng Cả, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương (theo quy hoạch đã phê duyệt gồm: Khu dân cư đô thị mới (Tổ hợp đất ở, thương mại dịch vụ, văn hóa thể thao) Tổ dân phố Làng Cả, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương 30 ha; Khu dân cư Kỳ Lâm, Làng Cả, TT Sơn Dương 5,0 ha; Xây dựng các khu dân cư dọc các tuyến đường mở mới trên địa bàn thị trấn Sơn Dương 8 ha.)	1	43,00		43,00	LUC(18,50); HNK(18,60); DGT(1,73); DVH(0,20) ODT(3,63); SON(0,88)	TT Sơn Dương
5	Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.	0					
II	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2023 THEO ĐIỀU 73 LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP CMB SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP SANG ĐẤT Ở TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	3	31,54	-	31,54		
1	Dự án đầu tư khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi thôn Khuôn Ráng và thôn Hang Hút xã Phúc Ứng (giai đoạn 2)	1	10,00		10,00	RPH	Phúc Ứng
2	Chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ mục đích thương mại dịch vụ cho các hộ gia đình	1	0,14		0,14	CLN	Vĩnh Lợi

3	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở và đất nông nghiệp nhỏ lẻ, xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	1	21,40		21,40	HNK, CLN, NTS	Trên địa bàn huyện Sơn Dương
III	DỰ ÁN ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI KHU ĐẤT ĐÃ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	19	38,94	-	38,94		
III.1	Đấu giá QSD đất đối với đất ở	11	37,24	-	37,24		
1	KDC tổ dân phố Tân An, Thị trấn Sơn Dương	1	1,00		1,00		TT Sơn Dương
2	KDC mới tại xã Phúc Ứng (thôn Tân Hoà, xã Phúc Ứng), (3,65 ha)	1	3,65		3,65		Xã Phúc Ứng
3	Khu đô thị mới Tổ dân phố Cơ Quan, Tân Bắc, thị trấn Sơn Dương (giai đoạn 2)	1	1,00		1,00		TT Sơn Dương
4	Khu nhà ở Sơn Đông, Thị trấn Sơn Dương (7,5 ha)	1	7,50		7,50		TT Sơn Dương
5	Các lô đất chưa bán đấu giá hoặc bán đấu giá không thành, các lô phải huỷ kết quả trúng đấu giá, các lô đất điều chỉnh quy hoạch, xử lý tài sản dôi dư	1					
	- Lô đất khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, xã Sơn Nam		0,05		0,05		Xã Sơn Nam
	- Lô đất khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam (GD 1)		0,96		0,96		Xã Sơn Nam
	- Lô đất khu dân cư tổ dân phố Tân Phú, Thị trấn SD		0,01		0,01		TT Sơn Dương
	- Lô đất khu dân cư Ninh Bình, Ninh Thuận, xã Ninh Lai		0,03		0,03		Xã Ninh Lai
	- Lô đất điều chỉnh quy hoạch mục đích sử dụng từ đất cây xanh sang đất ở Khu dân cư và chợ xã Ninh Lai		0,04		0,04		Xã Ninh Lai
	- Các lô đất điều chỉnh quy hoạch Khu dân cư trung tâm xã Thượng Âm		0,09		0,09		Xã Thượng Âm

	- Lô đất điều chỉnh quy hoạch từ đất dự trữ phát triển sang thương mại dịch vụ tại Khu dân cư và chợ xã Tú Thịnh (1.558m ²)		0,16		0,16		Xã Tú Thịnh
	- Các lô đất tại khu dân cư và chợ xã Minh Thanh		0,05		0,05		Xã Minh Thanh
	- Khu dân cư thôn Thái Hoà, xã Tam Đa.		0,28		0,28		Xã Tam Đa
	- Khu dân cư chợ thôn Đông Trai, xã Đông Thọ		0,02		0,02		Xã Đông Thọ
6	Khu dân cư Tổ dân phố Tân Phúc, thị trấn Sơn Dương (các lô còn lại sau khi bố trí tái định cư)	1	3,00		3,00		TT Sơn Dương
7	Khu dân cư thôn Lũng Khu, xã Sơn Nam (giai đoạn 2)	1	3,90		3,90		Xã Sơn Nam
8	Khu dân cư thôn Cây Đa II, xã Ninh Lai	1	3,00		3,00		Xã Ninh Lai
9	Khu dân cư Vạt Chanh - Làng Sinh, xã Thiện Kế	1	6,00		6,00		Xã Thiện Kế
10	Khu dân cư Liên Thành - Đồng Luộc, xã Phúc Ứng (giai đoạn 1)	1	5,00		5,00		Xã Phúc Ứng
11	Khu dân cư, khu tái định cư thôn Khuân Ráng, xã Phúc Ứng	1	1,50		1,50		Xã Phúc Ứng
III.2	Đấu giá QSD đất đối với đất thương mại, dịch vụ	8	1,70	-	1,70		
1	Đấu giá QSD đất Khu thương mại dịch vụ Tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn Sơn Dương	1	0,67		0,67		TT Sơn Dương
2	Các lô đất chưa bán đấu giá hoặc bán đấu giá không thành, các lô phải huỷ kết quả trúng đấu giá, các lô đất điều chỉnh quy hoạch, xử lý tài sản dôi dư	1			-		
	- Lô đất thương mại dịch vụ Khu đô thị tổ dân phố Cơ Quan, Tân Bắc (xin giảm giá do đấu 3 lần không thành)		0,08		0,08		TT Sơn Dương
3	Khu đất thương mại, dịch vụ tại địa điểm trụ sở xã Hồng Lạc cũ (1.200m ²)	1	0,12		0,12		Xã Hồng Lạc
4	Khu đất thương mại, dịch vụ tại địa điểm trụ sở xã Vân Sơn cũ (3.231m ²)	1	0,32		0,32		Xã Vân Sơn

5	Khu đất thương mại, dịch vụ tại địa điểm Trạm y tế xã Sơn Nam cũ (2.670m ²)	1	0,03		0,03		Xã Sơn Nam
6	Khu đất thương mại, dịch vụ giáp UBND xã Sơn Nam (850m ²)	1	0,09		0,09		Xã Sơn Nam
7	Khu đất thương mại đầu cầu Kim Xuyên (2.000m ²)	1	0,20		0,20		Xã Hồng Lạc
8	Đầu giá QSD đất khu đất thương mại, dịch vụ tổ dân phố Xây Dựng, thị trấn Sơn Dương (2.000m ²)	1	0,20		0,20		TT Sơn Dương
IV	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC DUYỆT	7	1,04		1,04		
IV.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÀO MỤC ĐÍCH AN NINH, QUỐC PHÒNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 61 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013	7	1,04		1,04		
1	Trụ sở công an xã Hợp Hòa, tại thôn Núi Độc	1	0,10		0,10	BHK	Xã Hợp Hòa
2	Trụ sở công an xã Ninh Lai	1	0,20		0,20	HNK	Xã Ninh Lai
3	Trụ sở công an xã Vĩnh Lợi	1	0,14		0,14	CLN	Xã Vĩnh Lợi
4	Trụ sở công an xã Vân Sơn	1	0,10		0,10	HNK	Xã Vân Sơn
5	Trụ sở công an xã Sơn Nam	1	0,20		0,20	TSC	Xã Sơn Nam
6	Trụ sở công an xã Hồng Lạc	1	0,20		0,20	RSX	Xã Hồng Lạc
7	Trụ sở công an xã Thượng Âm	1	0,10		0,10	DTT	Xã Thượng Âm